

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày: 07-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Khởi.
2. Ông Nguyễn Văn Khanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Quách Văn Diễn-Thư ký Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quang Đại-Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2018/TLST-HS, ngày 13 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HS, ngày 11 tháng 5 năm 2018 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên toà số 13/TB-TA, ngày 15/5/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Thị Ánh L (B)**, sinh năm 1987 tại Bình Phước; Nơi cư trú Ấp , xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Công L và bà Nguyễn Thị H (đều đã chết); có chồng tên là Võ Văn H và 02 người con lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Người bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1991 (vắng mặt)
 2. Anh Trần Văn T1, sinh năm 1988 (vắng mặt)
- Cùng cư trú: ấp M, xã Đ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.
3. Bà Võ Thị Hồng N, sinh năm 1977 (vắng mặt)

4. Ông Trương Thanh C, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp , xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Võ Văn H, sinh năm 1984, nơi cư trú: Ấp , xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Lê Thị P, sinh năm 1987, nơi cư trú: Số Khu vực *, phường A, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

2. Ông Trần Tự Đ, sinh năm 1962, nơi cư trú: Khu vực, phường N, thị xã N, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

3. Ông Phan Thành T2, sinh năm 1959, nơi cư trú: Ấp , xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Thị Ánh L có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác, nên L đã dùng thủ đoạn gian dối là nhiều lần đem số vàng (nữ trang) giả hoặc vừa vàng giả và vàng thật đi cầm cố tại các tiệm cầm đồ, để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 05/5/2017, L đi đến tiệm vàng T C thuộc Ấp , xã B , do bà Võ Thị Hồng N làm chủ, để cầm cố tài sản gồm: 01 nhẫn kim loại màu vàng, mặt hình bông hoa gắn đá trắng, là vàng 18K và 01 lắc đeo tay kim loại màu vàng, gắn đá trắng, là vàng giả, để lấy số tiền 4.500.000đ. L đã tiêu xài hết số tiền này.

Lần thứ hai: Vào khoảng 18 giờ, ngày 26/9/2017, L đi đến tiệm cầm đồ T T thuộc ấp M, xã Đ, do chị Nguyễn Thị Diễm T làm chủ, để cầm cố tài sản gồm: 01 (một) sợi dây chuyền mắc xích kim loại màu vàng, loại vàng 18K, trong lượng 1,75 chỉ và số vàng giả bao gồm: 01 nhẫn kim loại màu vàng gắn đá trắng, 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng hình bông hoa gắn đá trắng và 01 đôi bông tai kim loại màu vàng gắn đá trắng, do L mua với giá 750.000đ, để lấy số tiền 7.500.000đ. L đã tiêu xài hết số tiền này.

Lần thứ ba: Vào khoảng 07 giờ 40 phút, ngày 27/9/2017, L tiếp tục đi đến tiệm cầm đồ T T, để cầm cố số vàng giả gồm: 01 sợi dây chuyền mắc xích kim loại màu vàng, 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng gắn đá trắng, 01 nhẫn kim loại màu vàng gắn đá trắng và 01 nhẫn kim loại màu vàng hình bông hoa gắn đá trắng, do L mua trước đó, với giá 1.180.000đ, để lấy số tiền 9.000.000đ. Trong lúc chị T và L đang làm hợp đồng cầm cố và chuẩn bị giao tiền cho L, thì anh Trần Văn T1 (là chồng của chị T) đem số vàng cố đi thử và phát hiện vàng giả, nên trình báo

Công an xã Đại Hải. Sau đó, Công an xã Đ kết hợp với Cơ quan Điều tra-Công an huyện Kế Sách đến tiệm cầm đồ T T mời L về điều tra. Tại Cơ quan Điều tra, L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận giám định số 4045/C54B của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Gói 1: 02 mẫu nữ trang gồm: 01 nhẫn kim loại màu vàng, mặt hình bông hoa gắn đá trắng (4045/1.1) và 01 lắc tay kim loại màu vàng gắn đá trắng (4045/1.2) đều có thành phần kim loại chủ yếu là Bạc (Ag) > 90%, hàm lượng Vàng rất thấp < 0,1% (*Đây là số nữ trang L đi cầm cố tại tiệm cầm đồ T C*).

- Gói 2: 04 mẫu nữ trang gồm:

+ Mẫu ký hiệu 4045/2.1: 01 sợi dây chuyền mắc xích kim loại màu vàng có thành phần kim loại chủ yếu là Vàng (Au), hàm lượng Vàng (Au) là 72,1%.

+ 01 nhẫn kim loại màu vàng gắn đá trắng (4045/2.2), 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng hình bông hoa gắn đá trắng (4045/2.3) và 01 đôi bông tai kim loại màu vàng gắn đá trắng (4045/2.4) đều có thành phần kim loại chủ yếu là Bạc (Ag) > 90%, hàm lượng Vàng (Au) rất thấp < 0,1% (*Đây là số nữ trang L đi cầm cố tại tiệm cầm đồ T T vào ngày 26/9/2017*).

- Gói 3: 04 mẫu nữ trang gồm: 01 sợi dây chuyền mắc xích kim loại màu vàng (4045/3.1), 01 mặt dây chuyền kim loại màu vàng gắn đá trắng (4045/3.2), 01 nhẫn kim loại màu vàng gắn đá trắng (4045/3.3) và 01 nhẫn kim loại màu vàng, mặt nhẫn hình bông hoa gắn đá trắng (4045/3.4) đều có thành phần kim loại chủ yếu là Bạc (Ag) > 90%, hàm lượng Vàng (Au) rất thấp < 0,1% (*Đây là số nữ trang L đi cầm cố tại tiệm cầm đồ T T vào ngày 27/9/2017*).

Trong quá trình điều tra, L khai nhận: Lúc mang số nữ trang đi cầm cố tại các tiệm cầm đồ T T có 01 (một) sợi dây chuyền mắc xích kim loại là vàng 18K, trọng lượng 1,75 chỉ và tiệm cầm đồ T C có 01 nhẫn kim loại màu vàng, mặt hình bông hoa gắn đá trắng là vàng 18K, trọng lượng 0,77 chỉ, mua với số tiền 2.000.000đ, nên Cơ quan Điều tra yêu cầu định giá số tài sản này.

-Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04, ngày 19/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Kế Sách kết luận:

1. Một sợi dây chuyền vàng mắc xích loại vàng 18K, trọng lượng 1,75 chỉ x 2.555.000 đồng/chỉ = 4.471.250 đồng.

2. Một chiếc nhẫn vàng 18K mặt hình bông hoa có gắn đá màu trắng, trọng lượng 0,77 chỉ, do chưa xác định được trọng lượng vàng, trọng lượng hột nên Hội đồng không định giá được.

Như vậy, giá trị tài sản mà Đặng Thị Ánh L đã chiếm đoạt của người bị hại Trinh là 12.028.750đ và chiếm đoạt của người bị hại Nhung là 2.500.000đ.

-Tại Bản Cáo trạng số 07/CT-VKS-HKS, ngày 11/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, đã truy tố bị cáo Đặng Thị Ánh L về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

-Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Thị Ánh L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách truy tố bị cáo. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

-Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, sau khi luận tội, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 139, các điểm b, p, o khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo Đặng Thị Ánh L từ 06 tháng đến 09 tháng tù; Xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kế Sách, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Diễm T, anh Trần Văn T1, bà Võ Thị Hồng N và ông Trương Thanh C (đều có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng: Chị Lê Thị P, ông Trần Tự Đ và ông Phan Thành T2.

Xét thấy, trong quá trình điều tra, những người nêu trên đã có lời khai rõ ràng về các tình tiết của vụ án và việc vắng mặt của họ cũng không làm ảnh hưởng, không gây trở ngại đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 và khoản 3 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, để tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Đặng Thị Ánh L tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người bị hại chị Nguyễn Thị Diễm T, anh Trần Văn T1, bà Võ Thị Hồng N và ông Trương Thanh

C; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án; Vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai, thu giữ vật chứng, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định, kết quả định giá tài sản...cùng các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[4] Do có ý định chiếm đoạt tài sản của những người hành nghề cầm đồ, trang sức từ trước, nên bị cáo đã có thủ đoạn gian dối là dùng số nữ trang (vàng) giả hoặc vừa dùng số vàng giả trộn lẫn với vàng thật đi cầm cố cho các tiệm cầm đồ, trang sức trên địa bàn thuộc hai xã B và Đ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, để lấy tiền tiêu xài. Với thủ đoạn gian dối như vậy, bị cáo đã chiếm đoạt của vợ chồng chị Nguyễn Thị Diễm T, anh Trần Văn T1 (chủ tiệm cầm đồ T T) số tiền 12.028.750đ và chiếm đoạt của vợ chồng bà Võ Thị Hồng N, ông Trương Thanh C (chủ tiệm cầm đồ T C) số tiền 2.500.000đ.

[5] Hành vi nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng giá trị 14.528.750đ, mà bị cáo thực hiện, đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 139 và điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), như Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đã truy tố, là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích phạm tội là muốn có tiền tiêu xài cho bản thân. Khi thực hành vi phạm tội bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng bản tính tham lam, lười biếng lao động nên bị cáo cố ý phạm tội. Tội phạm mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất lòng tin giữa người dân với nhau, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội. Do đó, khi lượng hình cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Trước khi phạm tội, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo và tự thú về hành vi phạm tội trước đó, đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, p, o khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), được xem xét áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, các người bị hại chị Nguyễn Thị Diễm T, anh Trần Văn T1, bà Võ Thị Hồng N và ông Trương Thanh C đều không yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Ở dạng tội phạm này, ngoài hình phạt tù ra bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Nghĩ, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[10] Về vật chứng của vụ án thu được:

- Gói 1:

+ **01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt hình bông hoa gắn đá trắng.**

+ 01 lắc tay bằng kim loại màu vàng gắn đá trắng.

- Gói 2:

+ **01 sợi dây chuyền kiểu mắc xích bằng kim loại màu vàng.**

+ 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng gắn đá trắng.

+ 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình bông hoa gắn đá trắng.

+ 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng gắn đá trắng.

- Gói 3:

+ 01 sợi dây chuyền kiểu mắc xích bằng kim loại màu vàng.

+ 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng gắn đá trắng.

+ 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng gắn đá trắng

+ 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng hình bông hoa gắn đá trắng.

- 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đặng Thị Ánh L.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Các điểm a, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, xử lý như sau:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước các vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội như sau:

+ 01 nhẫn bằng kim loại vàng 18K, mặt hình bông hoa gắn đá trắng, trọng lượng 0,77 chỉ, ở gói niêm phong số 1.

+ 01 sợi dây chuyền kiểu mắc xích bằng vàng 18K, trọng lượng 1,75 chỉ, ở gói niêm phong gói số 2.

- Tịch thu và tiêu hủy các vật chứng không sử dụng được như sau:

+ 01 lắc tay bằng kim loại màu vàng gắn đá trắng (gói niêm phong số 1).

+ 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng gắn đá trắng (gói niêm phong số 2).

+ 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình bông hoa gắn đá trắng (gói niêm phong số 2).

- 2). + 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng gắn đá trắng (gói niêm phong số 3).
- + 01 sợi dây chuyền kiểu mắc xích bằng kim loại màu vàng (gói niêm phong số 3).
- + 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng gắn đá trắng (gói niêm phong số 3).
- + 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng gắn đá trắng (gói niêm phong số 3).
- + 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng hình bông hoa gắn đá trắng (gói niêm phong số 3).

- Trả lại cho bị cáo 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đặng Thị Ánh L.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/4/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng).

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[12] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh và việc áp dụng pháp luật là có căn cứ. Về hình phạt cần xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 139, các điểm b, p, o khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- 1) Tuyên bố bị cáo Đặng Thị Ánh L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
- 2) Xử phạt bị cáo Đặng Thị Ánh L 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.
- 3) Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.
- 4) Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Các điểm a, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.
 - 4.1) Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:
 - + 01 nhẫn bằng kim loại vàng 18K, mặt hình bông hoa gắn đá trắng, trọng lượng 0,77 chỉ, ở gói niêm phong số 1.

+ 01 sợi dây chuyền kiểu mắc xích bằng vàng 18K, trọng lượng 1,75 chỉ, ở gói niêm phong gói số 2.

4.2) Tịch thu và tiêu hủy:

+ 01 lắc tay bằng kim loại màu vàng gắn đá trắng (gói niêm phong số 1).

+ 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng gắn đá trắng (gói niêm phong số 2).

+ 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình bông hoa gắn đá trắng (gói niêm phong số 2).

+ 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng gắn đá trắng (gói niêm phong số 2).

+ 01 sợi dây chuyền kiểu mắc xích bằng kim loại màu vàng (gói niêm phong số 3).

+ 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng gắn đá trắng (gói niêm phong số 3).

+ 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng gắn đá trắng (gói niêm phong số 3).

+ 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng hình bông hoa gắn đá trắng (gói niêm phong số 3).

4.3) Trả lại cho bị cáo 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đặng Thị Ánh L.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/4/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng).

5) Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Buộc bị cáo Đặng Thị Ánh L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6) Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo, người bị hại và nghĩa có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày giao nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- CAND huyện Kế Sách;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

đã ký

Trần Vinh Thắng